TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 497/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vạn
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

– ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1036/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Vũ An G, sinh năm: 1982
Địa chỉ: Số B3-02 Chung cư X, xã Y, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Gia L, sinh năm: 1967
Địa chỉ: Số B2-01 Chung cư X, xã Y, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2019 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Vũ An G trình bày:

Bà G và ông Trần Gia L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N,

Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01 cấp ngày 23/8/2002. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2006 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp. Vợ chồng chung sống không có sự chia sẽ trong gia đình và thiếu sự tôn trọng nhau; ông L không có quan tâm, chăm lo đến gia đình; dẫn đến vợ chồng hay gây gỗ, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Cả hai sống ly thân đã hơn ba năm nay. Nay bà G nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Ngọc An T, sinh ngày 24/4/2003 (Giới tính: Nữ). Khi ly hôn, bà G yêu cầu được nuôi trẻ T; không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà G xác nhận không có.

Đối với bị đơn ông Trần Gia L: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông L vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án; tuy nhiên còn chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Vũ An G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Gia L; bị đơn hiện cư trú tại xã Y, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn ông Trần Gia L vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà Nguyễn Vũ An G có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Bà G và ông L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01 cấp ngày 23/8/2002; do đó có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà G và ông L là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà G xác định giữa bà và ông L mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vì vậy bà G yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông L. Căn cứ vào kết quả trả lời xác minh về tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì trong thời gian chung sống bà G và ông L không rõ có xảy ra mâu thuẫn gì, nguyên nhân, mức độ như thế nào, có thường xuyên xảy ra bạo lực gia đình hay không, còn sống chung với nhau hay không, đã ly thân từ thời gian nào… chính quyền không nắm rõ. Tuy nhiên, xét thấy kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa xét xử ông L vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn liên lạc, tình cảm vợ chồng đã không còn, cả hai không có thiện chí đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà G và ông L đã từ lâu hai bên ít còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Vũ An G đối với ông Trần Gia L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về con chung, vợ chồng chung sống có 01 con chung tên là Trần Ngọc An T, sinh ngày 24/4/2003 (Giới tính: Nữ); bà G yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng trẻ T, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay trẻ T đang sinh sống cùng với bà G, việc chăm sóc, nuôi dưỡng do bà G trực tiếp trông nom, nuôi dạy trẻ nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà G là có cơ sở, giao trẻ T cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con mặc dù bà G không yêu cầu nhưng đây là quyền lợi của trẻ, vì vậy Hội đồng xét xử xét tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ T đối với ông L cho đến khi có đơn yêu cầu.

[3.4] Về tài sản chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Bà G xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56, 57, 58; Điều 69; Điều 71; Điều 81, 82, 83, 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Vũ An G đối với ông Trần Gia L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Vũ An G được ly hôn với ông Trần Gia L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01 đăng ký ngày 23 tháng 8 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Vũ An G và ông Trần Gia L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Trần Ngọc An T, sinh ngày 24/4/2003 (Giới tính: Nữ) cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông L khi có đơn yêu cầu.

Ông Trần Gia L có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà G không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà G xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Vũ An G chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002892 ngày 12/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

II. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- UBND P. M, Q. N, TP. HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khương